

BẢN LUẬN 15

Tăng tám môn, hợp chung có mười môn. Chánh niệm là chỗ nhiếp của Chánh định. Hoà hợp như trước.

“Giải đãi thí”, là có người đến cầu bố thí nhưng không khắp, không đến bố thí mà chờ người đến cầu xin. “Không tùy theo điều mong muốn”, là sợ bố thí vật khác nữa. “Sợ tự mình bần khổ mà doái hoài đến bố thí”, là tu tập trước hạnh nghiệp của con người, vì báo ân trước kia của người khác, nhưng không phải tự mình ưa thích. “Chưa đến bố thí”, là mong Dị thực và mong người khác đến báo đáp, vì mong hai quả cho nên là lỗi. “Khinh mạn thí”, là ý mình giàu có, lăng mạ người khác mà cho, hoặc vì báo ân mà khinh mạn người kia. “Mong cầu giàu vui”, là cầu trong cõi người cõi trời và năm Trần bên ngoài. “Cầu tri và Văn”, là quy về danh dự. “Không có tâm nhiễm ô để đến nẻo thiện”, là đến nẻo thiện kia để tu lợi hạnh tự tha cho nên không phải lỗi. “Có bốn nhân duyên cho nên trong cõi người kiến lập bốn chúng của Như Lai”,

1. Tối tăng thượng là Quốc vương... tức là Sát-đế-lợi.

2. Thế gian phước điền là Bà-la-môn, vì phần nhiều là Tịnh hạnh, cùng thừa nhận là phước điền.

3. Tài sản họ dùng không do người khác là Đại trưởng giả.

4. Vứt bỏ các tài vật thế gian là các Sa-môn.

Những thứ đều là Phật có, gọi là Như Lai chúng.

Có ba nhân duyên cho nên trong cõi trời kiến lập tên bốn chúng:

1. Y theo biên tế của Địa kiến lập hai chúng, là Tứ đại vương chúng thiên và Tam thập tam thiên, cư trú riêng biệt.

2. Biên tế của cõi Dục, kiến lập Ma chúng.

3. Biên tế của Ngã hạnh, kiến lập Phạm chúng.

Trong tám Giải thoát, “Tịnh và Bất tịnh không phải hai Sắc, Xả thắng giải thứ nhất gọi đó là thứ ba”, vì Tịnh giải thoát có ba loại tướng:

1. Triển chuyển tướng đãi.

2. Triển chuyển tướng nhập. Hai loại này quán chung với Tịnh sắc và Bất tịnh sắc, vì bình đẳng quán, gọi là Xả thắng giải.

3. Triển chuyển nhất vị tướng, chỉ có quán Quang minh, không khởi Tịnh và Bất tịnh, gọi là không phải hai Sắc.

Xả thắng giải thứ nhất, bình đẳng quán tối thắng vị của Quang minh, gọi là Xả thứ nhất. “Ba giải thoát này đến Bất cộng cùng với tất cả Dị sinh có chung”, quyển 12 đã dẫn thành văn thừa nhận Dị sinh đắc,

luận này nói là Thắng, cho nên nói Bất cộng. “Năm Thắng giải này cho đến Thọ tướng diệt, Đẳng chí trụ tối thắng”, trước đã riêng dẫn Không, dẫn qua lại Thần thông thức, dẫn công đức của Vô tránh... đây là nói chung dẫn Cứu cánh định viên mãn, cho nên không trái nhau.

“Lại nữa, nếu quán các Sắc”, cho đến “mà tu tập”, là đoạn văn trong kinh Bát Thắng Xứ, ba giải thoát sau, giải thích văn của kinh đó, trước y theo giải thoát thứ nhất mà tu Thắng xứ làm quả, luận này nói tu Thắng xứ làm nhân, trong Như lý trí thì giải thoát làm quả, cho nên ba Thắng xứ làm nhân của phương tiện. “Quán các Sắc”, là bốn Thắng xứ trước. “Hoặc như Sở quán”, là bốn Thắng xứ sau. Như trước đã quán cảnh sai biệt, quán Sắc, tám Thắng xứ của nó sau đó mới thành mãn, vì ba giải thoát làm nhân. Nói ba Thắng xứ là Phương tiện đạo của ba giải thoát nhiếp, không phải chỉ có ba loại. “Trong đây quán các Sắc bên ngoài cho đến hoặc là Thắng”, theo văn kinh là “quán không phải Sở hành của Tam-ma-địa hiện Sắc sở đắc”, đây là giải thích kinh trước, quán các Sắc lớn nhỏ, nghĩa là trong hai vị Văn và Tư của Gia hạnh trước Định, khởi chủng chủng Sắc này mà quán. “Do duyên Tam-ma-địa rốt ráo, cho nên gọi là Thắng”, đây là giải thích nguyên nhân trong Định được tên Thắng. Duyên một loại Sắc không đồng trước khi Định, vì tạp duyên lớn nhỏ cho nên gọi là Thắng, hoặc không phải Sắc của Tam-ma-địa có tướng lớn nhỏ, là Bản chất sắc do duyên Tam-ma-địa rốt ráo cho nên gọi là Thắng, là duyên Sắc trong Định, chỉ có một loại duyên cho nên gọi là Thắng, là Ảnh tượng của chủng chủng bản chất trước. Gia hạnh tâm trước có chủng chủng cảnh tướng, cho nên không phải Thắng cảnh, không đắc hành vi thù thắng. Cảnh trong Tam-ma-địa chỉ có một loại tâm, vì không có tướng khác cho nên gọi là Thắng. “Đã Tâm tư rồi, đã Liễu biệt rồi”, là thời đầu và thời sau, vì liễu biệt khác nhau. “Như vậy chỗ tướng bên ngoài cho đến quán các Sắc cũng vậy”, đây là giải thích địa vị của Văn và Tư chỉ đồng trong Định, đối với dẫn Chỉ quán, hoặc Tri hoặc Kiến, thì đối với Sắc kia cũng trước hết là Tâm tư, sau là Liễu biệt.

Sinh xứ của chín Hữu, tức là chín Hữu tình cư, trong phần thứ nhất đã giải thích.

“Mười pháp Vô học do năm Uẩn nhiếp”, là Giới uẩn nhiếp Chánh ngữ, Chánh nghiệp và Chánh mạng; Định uẩn nhiếp Chánh niệm và Chánh định; Tuệ uẩn nhiếp Chánh kiến, Chánh tư duy và Chánh tinh tấn, thêm hai pháp nữa thì thành mười giải thoát, tức là Thắng giải tâm sở. Chánh kiến là duyên Sự tuệ, Giải thoát trí kiến là duyên Vô vi tuệ.

“Trong đoạn thứ ba phân rõ Nhân minh xứ”, văn phân hai đoạn:

1. Tổng vấn đáp chỗ đã nêu.
2. Hiện riêng để giải thích.

“Các Sự sở hữu trong quán sát nghĩa”, chỗ kiến lập pháp gọi là Quán sát nghĩa, hay tùy thuận với pháp gọi là các Sự sở hữu. Các Sự sở hữu tức là Nhân minh, làm nhân soi sáng để quán sát nghĩa. Các chỗ giải thích khác gọi là “như chỗ Sở giải kia”.

- Trong giải thích riêng có hai đoạn:

1. Nêu tụng để trình bày danh.
2. Tùy giải thích riêng.

Luận Thể có ba đoạn:

1. Nêu tên gọi.
2. Biệt thích.
3. Liệtu giản.

Luận Thể, là nói Sinh nhân, là Thể để lập luận. Xứ sở, là xứ sở của những người chứng nghĩa luận nghị. Sở y của luận, là nghĩa của Chân năng lập và Tợ hiện tỷ làm chỗ y của lời nói, chỗ thành lập của nó cũng là Sở y. Trang nghiêm là Năng phá. Đoạ phụ, là tợ lập tợ phá. Xuất ly, là khi sắp khởi luận thì tự mình ở an trong pháp. Đa sở tác, là do có đủ sáu Năng trên, cho nên có nhiều Sở tác.

- Căn cứ theo Thể tánh của luận của ba đoạn:

1. Nêu sáu môn.
2. Tùy giải thích riêng.
3. Vấn đáp phân rõ.

Ngôn luận, là Âm thanh làm tánh, Ngôn thuyết là thể, Ngôn âm là tướng, Danh từ là dụng, là ba thứ sai biệt. Lại do âm thanh khởi Cú, Danh, Văn, như thứ tự riêng khác mà lập ba thứ sai biệt. Hoặc lấy Âm thanh, nói một Nhân hai Dụ, để lập ba thứ sai biệt. Thượng luận, là lập đạo lý của thế gian, không trái với chỗ đáng ưa chuộng luận của thế gian, mà lập nghĩa xuất thế gian nêu ra các danh từ thù thắng, không trái với Thượng luận. Tranh luận và hủy báng luận, là ngôn luận phát khởi ác duyên làm nhân. Tranh luận có bốn loại:

1. Do các Dục khởi.
2. Do Dục khởi muốn chiếm đoạt chỗ chưa nhiếp thọ.
3. Do chỗ khởi của ác hạnh.
4. Nướng vào các Kiến mà khởi.

Đó là chỗ sinh Nhân sự của tranh luận. hủy báng luận thì nhân theo chỗ khởi ngôn ngữ, thuận theo chánh giáo dẫn ra hai luận, là Ngôn

luận khởi thiện duyên làm nhân, thuận theo chánh luận là Giới học thiện duyên, Giáo dẫn luận là thiện duyên của Định tuệ. Hai luận tối hậu phải nên tu tập, là vì thuận chánh lý. Hai luận trung gian phải nên xa lìa, vì không đam mê ác sự và khởi ác ngôn mà phát khởi luận. Vì muốn đoạn trừ những lời tranh cãi thì có thể được khởi luận như vậy, cũng tức là tu tập kia nhiếp.

Hai loại luận đều phải phân riêng, vì tánh thông cả thiện ác, phải tu đoạn trừ.

Xứ sở của luận có sáu chỗ. Đối với Vương gia, quốc vương có đức, nhận thức thông đạt bình đẳng, đối với người đó có thể luận, ngược lại thì không thể. Chấp lý gia, nhận thức bình đẳng thông đạt bị đoạn, chỉ khéo đoạn các chuyện nhà. Trong Đại chúng, có nhiều người có nhận thức bình đẳng thông đạt. Còn lại ba chỗ có thể hiểu.

- Trong luận Sở y, có ba đoạn:

1. Nêu mười loại Sở y.
2. Tùy giải thích riêng.
3. Vấn đáp phân rõ thứ tự của mười loại.

- Biệt thích có hai đoạn:

1. Sở thành.
2. Năng thành.

“Sáu nghĩa Sở thành có hai tự tánh sai biệt...”, trong đây tông... gọi là Năng lập. “Tự tánh sai biệt làm Sở lập”, Sở lập này có ba lớp:

1. Chỗ thành lập nghĩa trong lời nói của tông, gọi là Sở lập, do Sở lập này mới có ngôn nghĩa; ngôn năng thuyên của tông đó và ngôn nghĩa của nhân đều gọi là Năng lập, vì ngôn của tông đó do Nhân và Dụ làm thành. Tuy cũng là Sở lập, Sở lập này vẫn sau sẽ nói, vì hiển thị trước chỗ ưa thích tông nghĩa của tự nó, cũng là Sở lập nhưng không phải quyết định là Sở lập, vì có thể trở thành nghĩa, cũng như đối với Nhân và Dụ đều thành, cho nên chỉ gọi là Năng lập. Nghĩa sở thuyên quyết định chỉ là Sở lập, cho nên chỉ gọi là Sở thành.

2. Chữ pháp Tổng tự tự tánh sai biệt, hoặc giáo hoặc lý, đều là Sở lập, Sở lập này chỉ gọi là nghĩa, vì tùy chỗ thích ứng mà có, là một phần trong tổng, đối địch với phần khai mở, hoặc ngôn hoặc nghĩa, Tự tánh sai biệt, đều gọi là tông, tức là Năng lập. Tuy tông khác cũng là Sở lập, nhưng có thể lập chung mà được tên là Năng lập, cho nên các ngài Trần Na... gọi tông là Sở lập, cùng với lý của Du-già không trái nhau. Du-già... nói tông không phải xưa nay chỉ có Năng lập.

3. Tự tánh sai biệt, hợp chung với nghĩa sở y gọi là Sở lập, Năng

y hợp chung với tông, gọi là Năng lập, vì tổng lập biệt, không phải tổng tông chỉ có Năng lập, đối địch với phần hợp chung và khai mở, vì do Nhân và Dụ làm thành cho nên cũng gọi là Sở lập. Vì không phải quyết định Sở lập cho nên được tên Năng lập. Trần Na chỉ lấy Nhân dụ thừa nhận chung để thành chỗ thừa nhận của người khác. Chỗ thừa nhận của người khác chỉ là hợp với tông, vì tông làm Sở lập; Tự tánh sai biệt, chỉ là Sở y của tông. Chỗ mong nghĩa khác nhau, nhưng không trái nhau.

- Trong Năng thành lập, vẫn có hai đoạn:

1. Nêu trình bày tám môn.
2. Tùy giải thích riêng.

“Đoạn thứ ba dẫn Thí dụ”, là tổng. “Đồng loại dị hiển”, là biệt. Đối với tổng so với pháp thì dẫn riêng ra một Dụ, Đồng phẩm và Dị phẩm làm hai Dụ. Trong Đối Pháp quyển 6, lấy Nhân tổng phân tích mà không khai mở riêng, trong Dụ đó cũng chỉ có khai mở tổng, chỉ lấy Năng thành có tám loại, số thì không khác nhau. Trong Thành nghĩa, lại kết hợp thêm. Luận này thì lấy hợp kết không lia Nhân dụ cho nên không khai mở riêng, luận kia thì lấy Thành nghĩa để thuyết minh thêm cho nên lập rời ra, cũng không trái nhau. Trần Na thì lấy kết hợp, không lia Dụ, trừ bỏ Năng lập. Đối Pháp thì lấy hợp nghĩa tăng thêm, lia riêng làm Năng lập, dẫn dụ tổng biệt, tăng giảm, cũng như vậy. Lại nữa, những thứ để lập luận, là Hiện lượng... có ba loại, xa thì có giác ngộ; cổ xưa gọi là Năng lập, lập luận đối địch, gần thì tự ngộ, cho nên Trần Na... không làm Năng lập, cũng không trái nhau.

Trong Lập tông, “mỗi mỗi riêng nhiếp thọ chỗ thừa nhận mỗi phẩm của tự mình”, đây là tổng văn.

Nhiếp thọ, là ý thích của tự mình. Nghĩa phẩm là nghĩa của tông. Hiện Dương quyển 11 nói là chỗ thừa nhận của tự tông. Trong đây có ý nói nương vào hai Sở lập mà lập luận thì mỗi mỗi đều khác, tùy theo ý thích của tự mình, mà chỗ thừa nhận của tự tông gọi là tông, trong đây có ba giải thích:

1. Lấy ngôn đối với lý, là nắm lấy Biệt thuyên y theo nghĩa, gọi là mỗi mỗi đều riêng chỗ thừa nhận của tự tông.
2. Lấy biệt đối với tổng, là nắm lấy hai thứ Biệt ngôn và Nghĩa y theo tổng gọi là chỗ thừa nhận của tự mình.
3. Lấy hợp đối với ly, nắm lấy tánh Bất tương ly của Năng y, hợp chung làm chỗ thừa nhận của tự tông.

Lập tông y theo nghĩa Ly, lấy làm Sở lập, cho nên đây là đoạn văn

tổng. Hoặc Nhiếp thọ luận tông, là nương vào chỗ sư tông của tự mình, đối với tông đối địch của sư khác, mà lập tự tông, nếu không như thế thì liền có lỗi hổ tương nhau cực thành. Nếu tự biện tài, thì do tự biện tài mà lập nghĩa của tông khác, tùy tự ý ưa thích mà đoái nhìn lại tông của luận, chỉ có hai loại này là chỗ lập tông đúng đắn, hoặc chỗ thừa nhận khắp hết, hoặc đồng với chỗ vâng theo của Nhân và Tông, hoặc nghĩa phụ làm chuẩn, không phải nhiếp thọ riêng, không phải tùy theo tự ý ưa thích, cho nên không phải chân tông, vì lập đã thành, không phải vốn sẵn đã thành. Thời của tông này, hoặc khinh miệt người khác, hoặc từ người khác mà nghe, hoặc tự giác ngộ chân thật mà khai mở ý thú của tông, ba loại này gọi là Nhân duyên lập tông. “Hoặc thành tự tông, hoặc phá tha tông”, hai câu này nêu ra tất cả ý lập tông chẳng qua chỉ là như vậy, hoặc chiết phục người khác, trên là giải thích thành lập tự tông, hoặc tồi phục tông khác, trên là giải thích phá hoại tha tông, thành tự phá tha, đều là bi mẫn, cho nên ba câu sau giải thích hai ý trước, do đó mười câu sau đều làm ba loại:

1. Hai câu là Thể của tông.
2. Ba câu là nhân duyên lập tông.
3. Năm câu là lập ý tông.

Nhân là nguyên nhân, ba Dự lượng có thể thành tông, chỗ có kiến lập thuận ích đạo lý, thì liền đủ ngôn nghĩa của ba tướng.

Hiện lượng, vẫn có ba đoạn:

1. Nêu.
2. Giải thích.
3. Vấn đáp phân rõ.

“Dĩ sinh và Dĩ đẳng sinh, hoặc sinh hoặc khởi”, là đối với Dĩ thực tăng thượng quả của đời quá khứ, gọi là Dĩ sinh; quả Đẳng lưu gọi là Dĩ đẳng sinh, vì Đẳng có nghĩa là tương tự. “Trụ Sinh hiện tại gọi là là Nhược”, hoặc trụ Sinh vị lai gọi là Nhược khởi.

“Sở ngại của phú chương là Hắc ám...”, Hắc ám có ba loại:

1. Hắc ám, là sắc tối.
2. Vô minh ám, vì Si cho nên mê cảnh.
3. Bất trừng thanh sắc ám, bị vách chương... Hoặc Lưu ly... gọi là

Trừng thanh sắc thì không phải phú chương.

“Tuy ngăn cách có thể thấy, hoặc Sắc tướng thù thắng”, là uy thế của ánh sáng mặt trời, mắt nhìn không thấy, vì Sắc tướng thù thắng. Có ba thứ cực viển, như trong phần thứ nhất đã giải thích. “Không phải Hiện lượng của Dĩ tư, Ứng tư”, Dĩ tư và Ứng tư, phần nhiều là Tỷ lượng,

hoặc Phi lượng nhiếp. Luận này thì không phải hai loại này, cho nên gọi là Hiện lượng. “Phải biết Sắc, Hương, Vị, Xúc của thuốc này vừa mới lấy thì liền thành chỗ y chỉ của Sở thủ”, Năng y chỉ của nó là uy thế của thuốc, đây không phải là uy thế của Hiện lượng, chỗ y Sắc, Hương, Vị, Xúc mặc tình tùy ý mới lấy thì liền thành Sở thủ, là chỗ y chỉ của uy thế, đây là Hiện cảnh, Năng thủ gọi là Hiện lượng. “Chỗ có đại thế uy đức của thuốc, nếu bệnh chưa lành thì gọi là Ứng tư”, đây là công năng của thuốc, bệnh chưa bớt chút nào, thì thường nên tư duy, nếu bệnh đó lành, thì gọi đó là Dĩ tư, là đã tư duy rồi, đây là hai Cảnh tác dụng của Ứng tư và Dĩ tư, không phải Thể của Hiện cảnh có thể duyên các Tư kia, cũng không phải Hiện lượng, trái lại là hiển chỗ nói ở trước vừa mới thủ thì liền thành Cảnh sở y của Thủ, có thể duyên tâm kia thì gọi đó là Hiện lượng. “Trong đây kiến lập cảnh giới là Cảnh sở y của Thủ không phải là đã tư duy, không phải là nên tư duy...” là ngoài Không, Địa v.v... “Làm Bản chất của Định cảnh”, là kiến lập cảnh giới. “Cảnh sở y của Thủ”, là kiến lập Cảnh ảnh tượng của Định tâm. Thể của Hiện cảnh này, là Tâm năng Thủ, gọi là Hiện lượng. “Địa... các giới”, là thông suốt với Tiên phương tiện, giải thích nếu chưa thành vị lai thì gọi là Ứng tư duy.. không phải Thể của Hiện cảnh, có thể nắm lấy tâm kia, không phải quyết định định là Hiện lượng, trái lại là hiển thị kiến lập cảnh giới. Cảnh sở y của Thủ gọi là Hiện cảnh, trong hai môn này, môn thứ nhất là Sở tạo, môn thứ hai là Năng tạo. “Trong đây không phải là không hiện kiến... ba loại, gọi là Hiện lượng”, nhập chánh lý mà nói thì Hiện lượng trong đây, là Vô phân biệt. Nếu có chánh trí thì đối với nghĩa của Sắc... là chỗ có phân biệt của Danh chủng... vì hiển hiện chuyển riêng cho nên gọi là Hiện lượng, các Bộ bất đồng, luận này cùng với Nhân minh cũng khác, đều như các Sở kia. Quán sát văn này mà nói, thì thế gian cũng Hiện lượng thanh tịnh, cho nên tâm Tịnh định cũng là Hiện lượng nhiếp, không cần phải đắc Thể của Cảnh. Năm Câu như Ý v.v...gọi là Thể của Hiện lượng.

Tỷ lượng, là dựa vào nhiều tướng mà quán sát đối với nghĩa trí, trong hai Lượng, ngay nơi trí gọi là quả... đều như Nhân minh nói. “Chấp trì tự tướng tỷ tri đạo tục”, là tướng chấp trì y bát... thì Tỷ tri là đạo, chấp trì mũ miện... thì tỷ tri là tục.

“Là làm Khả ký hoặc An lập ký”, thứ nhất là Ký tự thể, thứ hai là Ký sai biệt. Ký thứ nhất Tổng ký hữu (tổng ghi là có), thứ hai Khúc biệt thị. “Như chấp tất cả Lạc thọ đều là chỗ Tùy miên... của Tham”, y theo Tùy miên tăng trưởng thì tuy khác, như vậy không phải ba loại Tùy

miền lẫn nhau không tùy tăng trưởng, cho nên chấp chỉ như vậy thì gọi là trái pháp tướng. Lại nữa, lìa ba Thọ của Lậu, không phải ba chỗ tăng trưởng, nếu chấp đều là tăng trưởng thì liền trái với pháp tướng.

Từ câu “một là Bất quyết định, hai là Đồng sở thành” trở xuống, đây là chữ “lại nữa” thứ hai, giải thích nguyên nhân lập Đồng loại và Dị loại, câu này có ý hiển lỗi của Nhân đối với Tông, gọi là Bất thành, lỗi đối với Đồng dụ và Dị dụ gọi là Bất định, lỗi đối với Tông và Dụ gọi là trái nhau. “Bất quyết định”, tức là sáu loại Bất định, vì Nhân đối với Đồng dụ và Dị dụ trái nhau, không thể quyết định thành tông nghĩa của nó. “Đồng sở thành”, tức là bốn loại Bất thành và bốn loại Tương vi, vốn đã lập Cộng nhân, suy ra thành tông quả, Nhân đã liên đới với tương tự thì lý cần phải thành trọn vẹn, nếu thành trọn vẹn thì cùng với tông không khác nhau, cho nên gọi là Đồng sở thành, Tự đồng dụ và Tự dị dụ cũng nhiếp trong đây.

“Trong Bất tương vi, vì quyết định”, là Chân nhân và Chân dụ, vì quyết định thành tông.

“Dị sở thành”, tức là Chân nhân và Chân dụ, không có các lỗi, vì Thế là Năng thành.

“Khác với Sở thành chính là Tương vi”, tức là Tự nhân, Tự dụ, Tự hiện lượng và Tự tỷ lượng không thể làm Lượng, vì không trái nghịch tức là Chân nhân... và Chân hiện tỷ có thể làm Lượng. Thế của Chí giáo lượng, Văn tư tuệ... duyên Chí giáo trí.

Trong phần giải thích riêng thứ tư, luận Trang Nghiêm phân hai đoạn:

1. Thuyết minh năm loại Trang nghiêm. Trang Nghiêm luận, là đức viên mãn.

2. Thuyết minh hai mươi bảy loại công đức xưng tán.

Nếu người có đủ hai mươi bảy loại này, thì gọi là Xưng tán công đức. “Dĩ thiện, Dĩ thuyết, Dĩ minh”, đọc tụng thọ trì gọi là Dĩ thiện; lắng nghe gọi là Dĩ thuyết, vì đã từng nghe, có thể vì người khác mà thuyết; tư duy thuần thực gọi là Dĩ minh.

“Nghĩa thiện, là có thể dẫn phát Thắng sinh và Định thắng”, Thiện của thế gian thì có thể dẫn phát Tăng thượng sinh đạo, thiện của xuất thế gian thì có thể dẫn phát Quyết định thắng đạo.

Đa chúng, là Chúng đại thí hội. Tạp chúng, là tám bộ chúng. Đại chúng, là chúng Quốc vương, Vương tử. Chấp chúng, là chúng chấp lý, tức là chuyên gia đoán sự. Đế chúng, là các chúng Thật ngữ, hoặc bậc Thánh chúng. Thiện chúng, là chúng Sa-môn, không có hai chúng Lạc

pháp nghĩa và Đa tạp. Trong luận về sáu Xứ sở, hợp chung gọi là Đại chúng. Đại chúng, tức là Vương gia kia. Chấp chúng, tức là những nhà chấp lý. Đế chúng, tức là các nhà Hiền triết kia. Thiện chúng, tức là các chúng kia khéo hiểu nghĩa, và những người ưa thích pháp nghĩa. “Mà không nói sàm và vọng vã”, khi người khác đang nói, giữa chừng liền xen vào nói, gọi là sàm; không nói một cách từ từ đúng lý gọi là vọng vã. Trong lỗi của lời nói vô nghĩa, là không có nghĩa lý. Trái nghĩa, là trái với lý chánh đạo. Tồn lý, là tồn hai Đế lý, tức là Đồng sở thành trong vấn đáp ở trước. Thành lập Năng thành, là lấy nhân làm Thành nhân, lấy Dụ làm Thành dụ.

- Đoạn thứ tư, Thanh minh xứ có hai phần:

1. Kết chỗ nêu trình bày ở trước.
2. Tùy giải thích riêng.

“Pháp thi thiết kiến lập là Danh thân, Cú thân...”, đây là nêu ra Thể của Thanh minh. “Và năm đức...”, là vì Thể của Thanh có năm đức mới thành luận, là Năng thuyên thanh thù thắng. Các nhà Thanh luận nói: “Thể của Danh cú Văn tức là Thanh, tánh của Thanh là Thường, âm hưởng là Vô thường”. Âm hưởng Vô thường là hiển thị đối với Thanh thường, nếu biết Thanh thường thì gọi là Thanh minh. “Nghĩa thi thiết kiến lập”, là Nghĩa sở thuyên của Thanh minh, vì Thanh minh kia nương vào Năng thuyên và Sở thuyên mà kiến lập.

Lại nữa, trong sáu loại nói năng, “nghĩa sai biệt tương ứng”, là các pháp đồng loại lẫn nhau được tương ứng, vì Thể sai biệt. Nghĩa, là như đối với Vô lượng nghĩa môn sai biệt của một pháp mà chuyển, như một Sắc pháp hoặc khả kiến hoặc bất khả kiến... mà các nghĩa chuyển khác nhau.

“Bổ-đặc-già-la thi thiết kiến lập, là lập nam, nữ, phi nam, phi nữ...”, là nương vào ba loại mà lập Thanh sai biệt, đầu tiên chỗ truyền Tô-mạn-đa thanh của thế tục có ba loại này:

1. Bát-bổ-lô-sa, nghĩa là Thể của thanh nam.
2. Tất-đế-lý, nghĩa là Thể của thanh nữ.

3. Như Nạp-bông và Tố-ca, nghĩa là Thể của thanh Phi nam và thanh Phi nữ. Lại có Tổng thanh, như Niết-lý-đề-thế. Bốn loại này mỗi mỗi đều có tám Chuyển, trong mỗi mỗi Chuyển đều có một tên, hai tên, nhiều tên, như vậy hợp chung có chín mươi sáu Thanh, như Biệt sao nói.

“Hoặc lại kiến lập Sĩ thanh tướng sai biệt sơ trung thượng”, hoặc là y theo thế tục sau này. Đế-ngạn-đa thanh có mười tám Chuyển, không

phải chỗ dùng của thế gian. Đây là nói ba loại thượng sĩ, trung sĩ và hạ sĩ, mỗi mỗi đều có ba thanh, như trẻ con làm hạ sĩ, vì chưa có chỗ nhận thức, không biết tự và tha, có thiện hay có ác, chỉ phát lên tiếng mà thôi. Như sĩ của danh hiệu, gọi là trung sĩ, vì chỉ thấy người khác có thiện ác. Nhưng không biết sĩ của sự thông đạt rộng gọi là thượng sĩ, vì chỉ tự tỉnh ngộ bên trong, đáng làm thì làm, không đáng làm thì không làm. Ba loại Sĩ thanh này, mỗi mỗi đều có một Thể, hai Thể và nhiều Thể, ba loại thành chín Thể, luận này thì nói sơ trung thượng sĩ, tức là trong ba loại tám Chuyển, mỗi mỗi đều có ba loại.

“Quá khứ quá khứ thù thắng...”, quá khứ gần gọi là quá khứ, quá khứ xa gọi là thù thắng. vị lai cũng vậy. Hiện tại, thời gian lâu dài thì gọi là Hiện tại, Sát-na thì gọi là thù thắng.

“Xứ sở, Căn tài, thi thiết kiến lập”, như chặt gốc của cây, gốc của Thanh thì gọi là Căn tài, tức là chữ này. Xứ sở xuất phát của Thanh gọi là Xuất thanh xứ, gốc Thanh minh. Nói rằng khi kiếp mới khởi, Phạm vương sáng tạo một trăm vạn bài tụng Thanh minh, sau đó mạng tuệ bị giảm, Đế Thích lược lại làm mười vạn bài tụng, kế đó có vị tiên Ca-đơn-một-la lược làm một vạn hai ngàn bài tụng, kế đó nữa có tiên Ba-nhị-ni lược làm tám ngàn bài tụng. Bốn bài luận trên đây tổng gọi là Xứ sở, hiện còn lưu hành thì chỉ có hai luận sau, hai luận trước đều đã diệt mất. Tự Thể Căn Tài Thanh Minh luận có ba trăm bài tụng, tiên Ba-nhị-ni tạo lược thành Thanh minh tụng, làm một ngàn bài tụng, gọi là Thanh minh lược bản tụng. Sau đó có Bát Giới luận, có tám trăm bài tụng gọi là Nhân duyên. Lại có Văn Thích-ca luận một ngàn năm trăm bài tụng; lại có Ôn-na Địa luận, hai ngàn năm trăm bài tụng. Năm loại Thanh minh này đều gọi là Căn tài, có thể cùng với Căn bản xứ sở Thanh minh làm gốc để sinh trí giải. Nhưng Bồ-tát Hộ Pháp tạo hai vạn năm ngàn bài tụng, gọi là Tạp Bảo Thanh luận, Ấn Độ lấy đó làm cực luận rốt ráo của Thanh minh, thịnh hành trong đời. Tương tục là trong Thanh minh hợp với Thanh và hợp với chữ với pháp làm một phẩm, là phần thứ nhất. Danh hiệu, là khi kiếp đầu tiên, Phạm vương đối với mỗi mỗi pháp đều đặt một ngàn tên, Đế Thích sau này giảm bớt làm một trăm tên, sau nữa giảm làm mười tên, sau nữa lại giảm làm ba tên, tổng làm một phẩm, là Danh hiệu phần của Danh hiệu phẩm thứ hai. Tổng lược, là Căn bản trong Thanh minh tóm lược chủ yếu. Lợi ích kia là trong kế đó mà tóm lược, khiến cho vật kia sinh kiến giải. Tuyên thuyết là rộng tuyên thuyết, tuyên thuyết rộng trong tóm lược, là ba phẩm sau, tức là ba tên gọi sau. Từ trên đến đây năm phần tức là năm phẩm, là

phần phẩm của Gốc thanh minh, hợp chung gọi là Xứ sở.

“Hoặc Giới tụng”, là Thể của chữ, ba trăm bài tụng gọi là Giới, chỗ tạo một ngàn bài tụng Thanh minh của tiên Ba-nhị-ni gọi là Lược bản tụng, tức là bài tụng này. “Đẳng”, là nhân duyên chữ của tám trăm bài tụng, của Bát Giới luận, gồm một ngàn năm trăm bài tụng của Văn Thích-ca luận và hai ngàn năm trăm bài tụng của Ôn-na-tha luận, cho nên nói là Đẳng.

Trong phần thứ năm Công nghiệp minh xứ, “Công nghiệp Sinh thành” là nuôi dưỡng lục súc, giúp ích đời sống, hoặc dạy sửa cho thành lễ nghi. “Công nghiệp Phòng-na” là theo dật v.v... Ấn Độ thì người nam làm, cho nên còn âm gốc gọi là Phòng-na, là Hô thanh của người nam. “Công nghiệp Hoà hợp”, tức là những người thuận mua vừa bán, hoặc cũng có thể là những người thuyết khách như Tô Tần v.v... nhiều người hoà hợp với thợ. “Công nghiệp thành thực”, là thạo nghề như nghề ẩm thực v.v...

